

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Chỉ số VN-Index có phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp. Kết phiên, chỉ số đóng cửa tại mức 1,772.15 điểm, tăng 21.12 điểm (1.21%) so với phiên trước đó. Bất chấp độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực khi có 11/18 nhóm ngành giảm điểm, đà tăng của chỉ số được tập trung vào một vài cổ phiếu vốn hoá lớn như VIC, VHM, VRE, STB. Về giao dịch của khối ngoại, khối này thực hiện mua ròng trên sàn HSX, và bán ròng trên hai sàn còn lại. Cuối phiên, thị trường giảm điểm nhẹ tại vùng kháng cự 1,770 điểm cho thấy sự lưỡng lự nhất định của thị trường, tuy vậy, chưa có dấu hiệu của việc thay đổi đà tăng điểm. Các nhà đầu tư nên thận trọng giao dịch và quản trị rủi ro tập trung khi giá đang ở vùng kháng cự.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 23/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+21.12** điểm, đóng cửa tại **1772.15** điểm. HNX-Index **-1.76** điểm, đóng cửa tại **255.47** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+20.34)**, **VHM (+7.30)**, **VPL (+2.09)**, **STB (+1.61)**, **MWG (+0.84)**.
- Kéo chỉ số giảm: **LPB (-1.38)**, **VCB (-1.10)**, **TCB (-0.62)**, **BID (-0.61)**, **VPB (-0.52)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **22,599** tỷ đồng, tăng **6.83%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 26,266 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 14.66 điểm. Thị trường có **102** mã tăng, 61 mã tham chiếu, **212** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **715.33** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MWG (234.93 tỷ)**, **MBB (103.26 tỷ)**, **VIX (99.29 tỷ)**, **HPG (79.50 tỷ)**, **VNM (73.95 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-0.56** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.13%**. Các mã diễn biến tích cực:
VHM (+6.98%) [\(Link báo cáo\)](#)
STB (+6.87%)
PVS (+3.32%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.39%**. Các mã diễn biến tích cực:
VIC (+6.99%) [\(Link báo cáo\)](#)
BMP (+3.86%) [\(Link báo cáo\)](#)
VRE (+3.79%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.13%	-0.39%	1.21%	1.39%
1 tuần	0.08%	0.31%	5.54%	5.39%
1 tháng	-2.74%	-3.37%	7.08%	5.95%
3 tháng	-5.21%	-8.52%	6.92%	8.60%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,772.15	255.47	119.95
% 1D	1.21%	-0.68%	0.09%
GTKL (tỷ VND)	22,599	1,440	457
%1D	6.83%	18.33%	-25.53%
GDNN (tỷ VND)	715.33	-0.56	-21.04

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MWG	234.93	HDB	-163.02
MBB	103.26	LPB	-78.95
VIX	99.29	FPT	-66.14
HPG	79.50	GMD	-48.64
VNM	73.95	SHB	-34.12

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

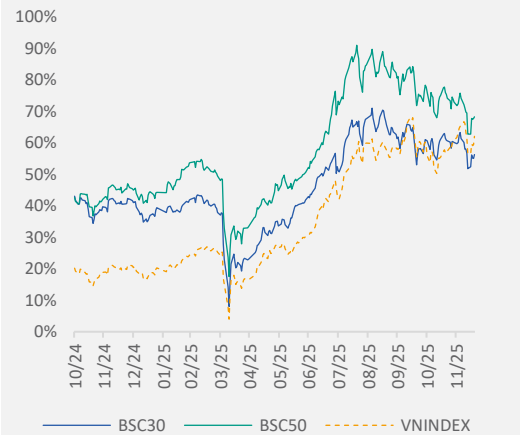
		%D	%W
SPX	6,878	0.64%	0.91%
FTSE100	9,872	0.06%	1.94%
Eurostoxx	5,739	0.07%	0.20%
Shanghai	3,920	0.07%	2.49%
Nikkei	50,413	0.02%	2.12%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	61.02	-1.61%
Giá vàng	4,407	-1.83%
Tỷ giá		
USD/VND	26,403	-0.01%
EUR/VND	31,795	0.55%
JPY/VND	172	0.58%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	0.00%
LS LNH 1M	7.2%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

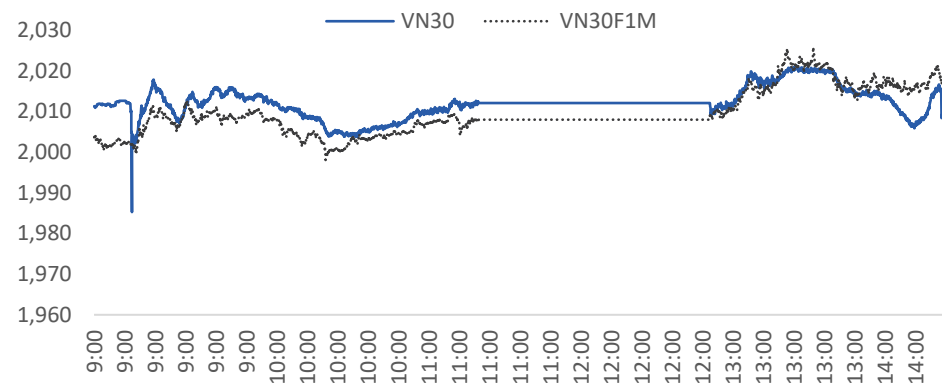
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Mở tài khoản tại BSC

Trang | 1

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	2015.00	0.90%	245,517	2.9%	15/01/2026	23
41I1G6000	2000.00	0.76%	76	7.0%	18/06/2026	177
41I1G1000	2015.00	0.90%	245,517	2.9%	15/01/2026	23
41I1G3000	2002.20	0.61%	132	-34.00%	19/03/2026	86

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +27.59 điểm, đóng cửa tại 1212.87 điểm. Biên độ dao động 20.49 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, STB, MWG, VRE tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 hình thành khoảng gap tăng điểm ngay khi mở cửa. Xu hướng tăng điểm vẫn duy trì trong những phiên gần đây, và chưa có dấu hiệu điều chỉnh. Chiến lược là long/short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 41I1G3000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSTB2531	9/03/2026	76	321,700	15.36%	60.10	1,500	141.9%	0.85	64.60	56.00	56.00
CFPT2505	9/01/2026	17	415,200	43.66%	134.87	20	100.0%	0.00	135.04	94.00	94.00
CSTB2529	25/03/2026	92	159,800	21.25%	65.50	1,200	100.0%	0.77	67.90	56.00	56.00
CVJC2507	26/05/2026	154	33,200	5.28%	188.00	2,940	89.7%	2.77	217.40	206.50	206.50
CSTB2538	26/05/2026	154	1,200	9.91%	54.50	2,350	82.2%	2.28	61.55	56.00	56.00
CSTB2526	24/02/2026	63	100,200	8.93%	55.00	1,000	81.8%	0.72	61.00	56.00	56.00
CSTB2528	23/02/2026	62	995,600	1.80%	49.00	2,670	74.5%	2.75	57.01	56.00	56.00
CSTB2535	11/05/2026	139	344,300	32.32%	71.70	800	73.9%	0.45	74.10	56.00	56.00
CVRE2527	26/05/2026	154	76,900	12.12%	35.60	1,400	60.9%	1.52	38.40	34.25	34.25
CSTB2520	23/03/2026	90	360,800	2.70%	48.00	3,170	52.4%	3.20	57.51	56.00	56.00
CSTB2519	23/06/2026	182	217,700	8.70%	51.00	3,290	48.9%	3.12	60.87	56.00	56.00
CSTB2530	25/06/2026	184	100	27.25%	67.80	1,730	46.6%	1.38	71.26	56.00	56.00
CVHM2525	26/05/2026	154	226,500	13.86%	107.00	3,970	44.4%	2.58	130.82	114.90	114.90
CSTB2524	23/06/2026	182	400	13.39%	53.90	1,920	44.4%	1.54	63.50	56.00	56.00
CSTB2525	23/07/2026	212	100	19.43%	57.20	2,420	41.5%	1.68	66.88	56.00	56.00
CVIC2517	26/05/2026	154	100	-5.59%	122.50	7,580	41.4%	10.14	160.40	169.90	169.90
CSTB2512	23/02/2026	62	43,100	2.86%	46.00	2,900	39.4%	2.69	57.60	56.00	56.00
CSTB2527	25/06/2026	184	43,600	30.81%	66.56	1,340	34.0%	0.61	73.26	56.00	56.00
CVHM2524	18/01/2027	391	155,700	54.53%	147.00	3,820	31.7%	1.00	177.56	114.90	114.90
CSTB2532	8/09/2026	259	52,900	33.93%	68.70	2,100	29.6%	1.25	75.00	56.00	56.00

Nguồn: BSC

- Chú thích:** Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 23/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CSTB2531 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 141.94%. CMWG2510 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.52%.
 - CVHM2521, CFPT2503, CDGC2501, CVRE2526, CVPB2524 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514, CVHM2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	169.90	6.99%	11.74
VHM	114.90	6.98%	7.24
STB	56.00	6.87%	4.93
MWG	87.50	2.94%	4.65
VRE	34.25	3.79%	1.92

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
LPB	41.80	-5.00%	-4.25
TCB	34.80	-1.14%	-1.10
DGC	71.60	-4.02%	-1.07
HPG	26.75	-0.56%	-1.03
VPB	28.70	-1.03%	-1.01

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	169.90	6.99%	20.34	7.73
VHM	114.90	6.98%	7.30	4.11
VPL	103.00	5.10%	2.09	1.79
STB	56.00	6.87%	1.61	1.89
MWG	87.50	2.94%	0.84	1.48

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	34.20	3.32%	0.34	0.51
NVB	13.90	1.46%	0.23	1.92
DTK	12.20	1.67%	0.08	0.68
BTW	59.40	10.00%	0.03	0.01
PHN	70.00	7.69%	0.02	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FDC	16.05	7.00%	0.01	0.01
VIC	169.90	6.99%	20.25	6.95
PDN	113.30	6.99%	0.10	0.01
VHM	114.90	6.98%	7.29	9.80
VTB	17.05	6.90%	0.00	0.03

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HCT	10.80	9.09%	0.01	0.00
CKV	16.90	9.03%	0.02	0.00
BNA	7.40	8.82%	0.08	0.32
KDM	27.40	8.30%	0.07	0.11
PHN	70.00	7.69%	0.16	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
LPB	41.80	-5.00%	-1.38	2.99
VCB	57.20	-1.04%	-1.10	8.36
TCB	34.80	-1.14%	-0.62	7.09
BID	38.00	-1.04%	-0.61	7.02
VPB	28.70	-1.03%	-0.52	7.93

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	89.30	-2.83%	-0.35	0.23
SHS	21.40	-2.28%	-0.26	0.90
CEO	22.60	-3.42%	-0.26	0.57
PTI	35.30	-9.25%	-0.23	0.12
KSF	74.00	-0.54%	-0.21	0.90

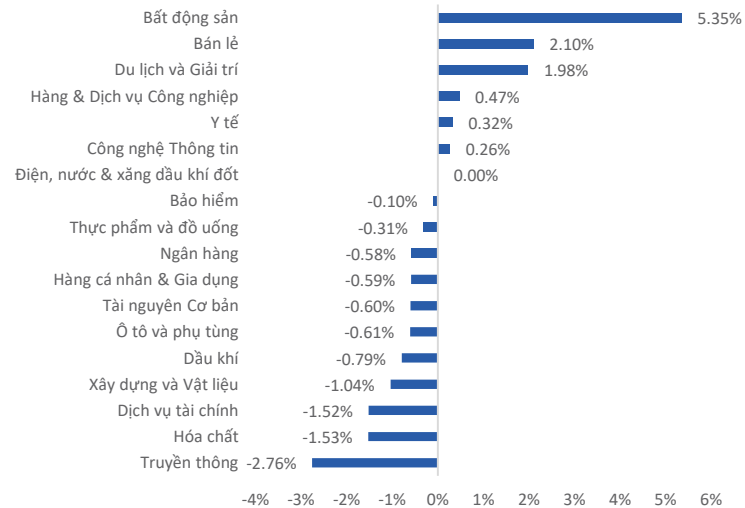
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HID	7.44	-7.00%	-0.01	2.18
DAT	8.14	-6.86%	-0.01	0.00
LGC	59.50	-6.45%	-0.18	0.01
PNC	19.75	-6.40%	0.00	0.00
MDG	25.05	-5.83%	0.00	0.01

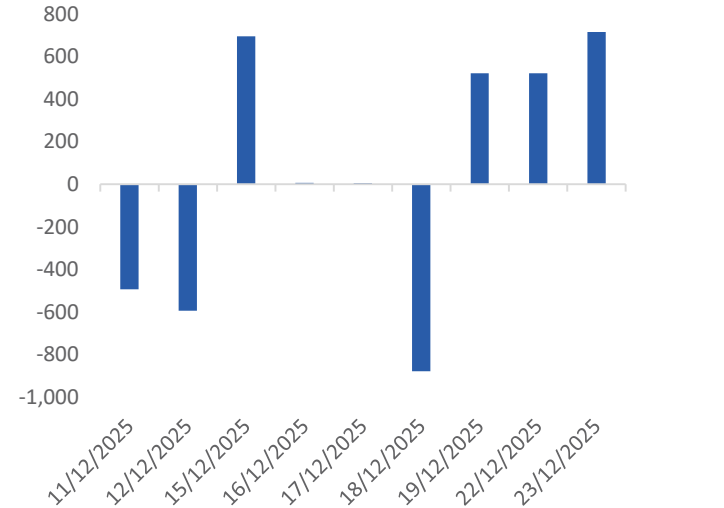
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTP	8.40	-9.68%	-0.04	0.79
EBS	11.30	-9.60%	-0.04	0.00
VC1	13.60	-9.33%	-0.06	0.01
PTI	35.30	-9.25%	-1.58	0.00
HAT	31.00	-8.82%	-0.03	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	87.5	2.9%	1.3	128,490	1252.5	3,956	22.1	106,000	46.7%	Link
KBC	Bất động sản	34.1	-1.5%	1.1	32,114	76.7	1,872	18.2	46,000	10.2%	Link
KDH	Bất động sản	33.0	-0.5%	1.1	37,033	105.2	857	38.5	39,900	28.0%	Link
PDR	Bất động sản	20.2	-1.7%	1.4	19,743	258.4	211	95.5	28,200	8.3%	Link
VHM	Bất động sản	114.9	7.0%	1.4	471,942	1096.8	6,133	18.7	119,600	8.8%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	94.0	0.3%	0.8	160,130	731.3	5,280	17.8	118,700	39.1%	Link
BSR	Dầu khí	16.2	-1.5%	0.0	81,118	163.0	413		23,200	1.0%	Link
PVS	Dầu khí	34.2	3.3%	1.4	17,491	404.0	2,841	12.0	42,800	13.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.0	-1.3%	1.2	24,839	287.9	1,354	17.0		34.3%	
SSI	Dịch vụ tài chính	30.8	-2.1%	1.1	76,726	819.6	1,865	16.5		32.6%	
VCI	Dịch vụ tài chính	34.3	-2.6%	1.0	29,158	240.2	1,583	21.7		14.6%	
DCM	Hóa chất	32.5	0.3%	1.1	17,179	42.0	3,578	9.1	47,300	3.7%	Link
DGC	Hóa chất	71.6	-4.0%	1.2	27,192	985.2	8,296	8.6	109,300	9.9%	Link
ACB	Ngân hàng	24.2	-0.4%	0.8	124,307	210.4	3,385	7.2	28,400	28.7%	Link
BID	Ngân hàng	38.0	-1.0%	0.9	266,812	73.6	3,781	10.1	49,500	17.1%	Link
CTG	Ngân hàng	35.0	-0.4%	1.0	271,844	369.0	4,292	8.2	53,500	25.6%	Link
HDB	Ngân hàng	27.5	1.9%	1.1	137,645	1033.2	2,824	9.7	34,400	23.6%	Link
MBB	Ngân hàng	25.1	-0.6%	1.0	202,180	573.7	3,017	8.3	29,300	21.1%	Link
MSB	Ngân hàng	12.6	-2.3%	1.1	39,312	510.2	1,729	7.3	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	56.0	6.9%	1.0	105,572	682.4	6,519	8.6		14.2%	
TCB	Ngân hàng	34.8	-1.1%	1.1	246,601	453.2	3,111	11.2	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.4	0.3%	1.1	48,130	209.3	2,358	7.4	-	24.8%	Link
VCB	Ngân hàng	57.2	-1.0%	0.8	477,945	201.8	4,202	13.6	73,200	21.2%	Link
VIB	Ngân hàng	17.8	0.0%	0.9	60,421	186.0	2,225	8.0	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	28.7	-1.0%	1.1	227,704	375.9	2,603	11.0	35,650	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.8	-0.6%	1.0	205,319	847.4	1,876	14.3	33,170	19.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.8	-1.6%	1.0	9,812	26.7	1,178	13.4	19,800	4.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.0	-0.7%	1.1	10,776	151.6	4,150	6.8	28,800	2.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	76.1	0.1%	1.1	110,034	397.8	2,196	34.7	98,300	22.6%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	62.6	-1.0%	0.6	130,831	297.0	4,160	15.1	64,500	50.6%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	39.8	-1.73%	1.2	8,803	58.9	2,410	16.5	22.6%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	147.5	0.34%	1.1	25,120	74.9	3,620	40.8	32.3%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	56.0	0.00%	1.1	41,570	32.7	3,578	15.7	26.8%	11.3%	
DIG	Bất động sản	18.1	-2.17%	1.2	14,376	121.4	524	34.5	3.7%	4.4%	
DXG	Bất động sản	17.9	-0.56%	1.2	19,912	173.9	399	44.9	18.8%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	24.3	-1.42%	1.1	4,844	61.4	3,057	7.9	3.1%	25.2%	
HDG	Bất động sản	28.5	-1.22%	1.3	10,525	45.3	938	30.3	20.6%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	37.0	-0.54%	1.3	14,041	58.7	4,849	7.6	11.5%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	31.9	-2.30%	1.1	15,475	64.8	2,214	14.4	44.8%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	52.2	-0.19%	1.0	12,638	12.8	5,474	9.5	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	29.9	0.00%	0.9	5,382	10.9	1,763	17.0	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	18.9	-1.57%	1.3	17,193	57.4	801	23.6	12.2%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	169.9	6.99%	1.5	1,309,255	1171.1	1,147	148.1	3.2%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	34.3	3.79%	1.3	77,827	506.4	2,144	16.0	13.7%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	35.4	0.00%	1.0	7,495	8.3	1,833	19.3	38.2%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	35.6	0.85%	0.7	45,233	125.7	2,090	17.0	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	27.5	-1.61%	0.9	15,259	241.2	1,602	17.1	9.8%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	33.8	-1.31%	1.2	11,712	40.1	1,262	26.8	24.9%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.5	-1.12%	1.8	17,455	81.0	1,664	15.9	3.7%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.3	0.00%	0.8	157,566	99.4	5,014	13.0	1.9%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.8	0.79%	0.9	39,268	193.6	680	18.8	4.4%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.4	-0.81%	0.8	33,258	17.1	4,776	12.9	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	206.5	0.24%	0.7	122,168	380.5	2,897	71.3	7.3%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	44.4	-0.22%	1.2	40,021	1209.3	2,313	19.2	8.0%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.5	0.00%	1.0	25,376	175.5	3,497	17.0	42.0%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.5	1.17%	0.7	10,216	175.5	6,185	9.8	7.2%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.5	-0.27%	0.9	8,670	65.8	2,090	8.8	9.2%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	97.8	-1.81%	0.0	11,910	72.2	3,139	31.2	4.7%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	93.4	-0.53%	0.8	31,863	55.3	6,914	13.5	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	26.9	-0.37%	0.8	3,014	24.2	2,535	10.6	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.1	-0.55%	1.4	2,330	9.8	2,862	6.3	16.3%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	22.2	-1.55%	1.0	15,094	43.8	1,212	18.3	3.6%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	26.3	-1.32%	1.2	105,000	28.4	1,569	16.7	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	22.5	-0.22%	1.2	41,818	398.1	1,635	13.7	2.9%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	41.8	-5.00%	0.4	124,868	532.4	3,469	12.1	0.9%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.4	0.00%	0.0	24,706	88.1	2,337	6.2	1.6%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.3	-0.81%	0.9	32,622	71.9	1,460	8.4	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.2	-0.98%	1.0	6,781	57.9	571	26.6	5.0%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.3	-1.80%	1.3	7,269	24.2	2,829	9.7	4.5%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.9	1.70%	0.6	10,914	242.3	1,715	20.9	3.1%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.5	-0.20%	0.8	63,487	92.0	3,373	14.7	58.6%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	54.3	-1.27%	1.0	12,188	30.7	6,944	7.8	19.4%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	183.0	3.86%	0.5	14,981	40.7	14,639	12.5	85.2%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	81.5	-1.81%	1.0	8,267	51.3	6,560	12.4	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	84.0	-0.71%	1.0	9,608	21.0	5,128	16.4	4.9%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	41.3	0.12%	1.0	4,158	19.6	3,037	13.6	5.5%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	13.7	-2.14%	1.2	6,815	164.7	1,106	12.4	10.0%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.1	0.68%	0.8	9,069	55.8	1,377	16.0	12.6%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.6	-1.46%	1.0	15,257	132.6	6,148	3.8	4.5%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	41.5	-0.24%	1.2	18,584	35.6	3,090	13.4	2.6%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>